

# XÂY DỰNG CÔNG CỤ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT THEO TIẾP CẬN DẠY HỌC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

ThS. TÔ VĂN KHÔI\*

**K**iểm tra, đánh giá (KT, ĐG) là một khâu quan trọng của quá trình dạy học, giúp người dạy thu được thông tin ngược từ phía sinh viên (SV) để điều chỉnh, điều khiển quá trình dạy học của mình; ngược lại, giúp SV biết được năng lực học tập, từ đó điều chỉnh quá trình học tập của mình nhằm đạt hiệu quả cao hơn. Song trong thực tế, các giảng viên (GV) chú ý nhiều tới đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) mà ít quan tâm tìm kiếm tới đổi mới khâu KT, ĐG cho phù hợp, điều đó dễ làm mất đi mối quan hệ khăng khít giữa các thành tố trong quá trình dạy học.

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi giới thiệu quy trình đánh giá (ĐG) kết quả học tập (KQHT) của SV cao đẳng kỹ thuật (CĐKT) theo tiếp cận dạy học giải quyết vấn đề (GQVĐ).

## 1. Mục đích xây dựng công cụ ĐG KQHT của SV trường CĐKT theo tiếp cận dạy học GQVĐ

Xác định các bước của công tác ĐG KQHT của SV phù hợp với nội dung, PPDH theo tiếp cận GQVĐ trong các môn lý thuyết cơ sở, qua đó nâng cao nhận thức, năng lực KT cho cán bộ quản lý, giảng viên (GV) và SV. Đồng thời bồi dưỡng cho đội ngũ GV cách xây dựng kế hoạch và thực hiện quy trình KT, ĐG cũng như kỹ năng xây dựng cấu trúc đề thi.

## 2. Đặc điểm cơ bản của dạy học tiếp cận GQVĐ

Dạy học giải quyết vấn đề (Teaching problem solving) được hiểu là *kiểu hoặc chiến lược dạy học có chức năng tích cực hóa người học do giáo viên tổ chức và tiến hành theo các nguyên tắc và quy trình dạy học GQVĐ học tập của người học, trong đó giáo viên định hướng, hỗ trợ người học thực hiện quá trình học tập của mình như là quá trình giải quyết vấn đề theo các chiến lược và kỹ thuật phù hợp với mục đích học tập và khả năng của họ.*

Bản chất dạy học GQVĐ là đặt ra trước người học một hay hệ thống những vấn đề nhận thức có chứa đựng mâu thuẫn giữa cái đã biết với cái chưa biết, chuyển SV vào tình huống có vấn đề để kích thích họ tự giác có nhu cầu muốn GQVĐ, từ đó người học lĩnh

hội tri thức mới một cách tự giác, tích cực, tự lực. Dạy học GQVĐ đòi hỏi sự chủ động, tích cực, tự lực của người học trong học tập; đồng thời vai trò hướng dẫn, chỉ đạo của GV vô cùng quan trọng. Để người học chủ động tích cực thì các nhiệm vụ học tập luôn có "vấn đề" với họ. Các nhiệm vụ học tập không được quá dễ hoặc quá khó; nếu quá dễ, người học không hứng thú, nếu quá khó sẽ gây ức chế cho họ. GV phải theo sát quá trình GQVĐ của người học để gợi mở dần vấn đề, giảm dần độ khó bằng các câu hỏi hoặc gợi ý mà không được phép thông báo trước cho họ con đường dẫn tới kết quả.

## 3. Các nguyên tắc KT, ĐG KQHT của SV trường CĐKT theo tiếp cận dạy học GQVĐ

Xây dựng công cụ KT, ĐG phải tuân theo những nguyên tắc cơ bản sau: - Đánh giá phải xuất phát từ mục tiêu dạy học theo tiếp cận GQVĐ; - Công cụ ĐG phải đảm bảo mức độ chính xác nhất định; - ĐG phải mang tính khách quan, toàn diện, có hệ thống và công khai; - ĐG phải đảm bảo tính thuận tiện của việc sử dụng công cụ ĐG; - Phải phản ánh khách quan thành tích học tập ở người học.

## 4. Quy trình xây dựng công cụ KT, ĐG KQHT của SV

Trên cơ sở xác định bản chất dạy học GQVĐ và các nguyên tắc KT, đánh theo dạy học tiếp cận GQVĐ, chúng tôi đề xuất quy trình xây dựng công cụ KT, ĐG KQHT của SV các trường CĐKT như sau:

**Bước 1. Xác định mục đích, nội dung của KT, ĐG:** Đề KT chính là công cụ để ĐG kết quả học tập của người học sau khi học xong một chương, một học phần hay môn học. Cho nên, việc đầu tiên GV khi thiết kế đề KT phải xác định đây là bài KT dưới hình thức nào: thi nói (vấn đáp, thuyết trình) hay thi viết (trắc nghiệm hay tự luận) và cần xác định loại hình ĐG nào (đầu vào, giữa kì hay tổng kết) để xác nhận chức năng KT và câu hỏi dùng cho KT.

\* Trường Cao đẳng công nghiệp Thái Nguyên

**Bước 2. Phân tích nội dung KT, ĐG:** Khi xây dựng đề thi căn cứ vào mục tiêu của môn học, mục tiêu của từng bài, phần học căn cứ vào tính chất và đặc điểm nội dung học tập và trình độ năng lực của GV và SV. Thiết kế các bài KT để xác định mức độ đạt được của người học về kiến thức, kĩ năng và thái độ với các nội dung chính sau: KT, ĐG kiến thức (xác định xem SV đã biết gì, ở mức độ nào, khả năng nhớ, vận dụng kiến thức các môn học trên cơ sở của các tình huống dạy học, các vấn đề đã đưa ra); KT, ĐG kĩ năng GQVĐ (xác định xem người học làm được gì, ở mức độ nào, khả năng tham gia vào quá trình giải quyết vấn đề đặt ra) và KT, ĐG thái độ (cách ứng xử, hứng thú, mức độ tích cực học tập GQVĐ). Về cấp độ tư duy/nhận thức của người học, theo Bloom (1956) có 6 cấp độ là: biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp và ĐG, vì vậy, có thể vận dụng quan điểm này để thiết kế các câu hỏi và ĐG năng lực của người học.

**Bước 3. Xây dựng các tiêu chí** (bảng trọng số hay còn gọi là ma trận hai chiều) **để KT:** Tiêu chí là những chỉ số của việc hoàn thành nhiệm vụ của người học, căn cứ để xác định trọng số là vai trò, vị trí và tầm quan trọng của chủ đề (môn học, học phần); mục tiêu của từng chủ đề đó; tính chất nội dung của môn học; kế hoạch thời gian dành cho chủ đề và đối tượng ĐG. Các nội dung thể hiện ở bảng trọng số thường là: nội dung chủ đề, các cấp độ tư duy, số lượng câu hỏi tỉ lệ phần trăm về mức độ quan trọng của mỗi chủ đề.

**Bước 4. Viết và phân tích các câu hỏi cho đề KT:** viết các câu hỏi phải căn cứ vào bảng trọng số đã xây dựng; câu hỏi KT phải phù hợp với mục tiêu môn học và mục đích học tập của SV; câu hỏi phải đảm bảo tính khoa học, câu chữ rõ ràng, phù hợp với chuyên môn, số câu hỏi, độ khó của mỗi câu phù hợp với nội dung chương trình đào tạo và thời gian làm bài KT. Câu hỏi KT phải đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị đó là tính nhất quán trong ĐG và liên quan đến trình độ của người học.

**Bảng 1. Xây dựng bảng trọng số đề KT môn học Máy điện**

TT	Các mức độ ĐG kiến thức				Trọng số (%)
	Nội dung chủ đề/ Chương	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Nhớ và mô tả được cấu tạo của máy điện	Câu 1 2 điểm			20
2	Nêu định nghĩa, công dụng và phân loại máy điện		Câu 2 2 điểm		20
3	Phân tích nguyên lý làm việc, những hư hỏng thường gặp			Câu 3 3 điểm	30
4	So sánh sự khác nhau giữa các loại máy điện			Câu 4 3 điểm	30

**Bước 5. Xây dựng đáp án và thang điểm cho đề KT:** tổ chức, KT, ĐG, tính điểm xếp loại KQHT được tổ chức theo quy định về tổ chức các kì thi của các trường, KQHT ĐG theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT và quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007.

Xây dựng đáp án và thang điểm cần phải căn cứ vào mục tiêu của bài học, môn học để đạt được: chất lượng kiến thức đã học; kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực hành; chất lượng ghi nhớ, tư duy và hành động; nội dung phải khoa học, chính xác và phù hợp với tiêu chí ĐG. Thang điểm sử dụng trong ĐG kiến thức môn học cơ sở là thang điểm 10 được chia làm 5 loại: giỏi, khá, trung bình, yếu, kém.

**Bảng 2. Thang ĐG kiến thức**

TT	Yêu cầu cần đạt được	Thang điểm
1	Nắm vững, vận dụng kiến thức vào các tình huống khác nhau một cách năng động, sáng tạo	9-10 điểm (Loại giỏi)
2	Nắm vững, vận dụng kiến thức vào các tình huống quen thuộc	7-cận 9 điểm (Loại Khá)
3	Nắm kiến thức tương đối vững, vận dụng vào các tình huống đã cho	5-cận 7 điểm (Loại TB)
4	Nắm không vững, không tự lí giải được, khó khăn hoặc khó vận dụng được	3-cận 5 điểm (Loại yếu)
5	Nắm không vững, chỉ nhắc lại được những phần nội dung không cơ bản	1-cận 3 điểm (Loại Kém)
6	Hoàn toàn không biết	0 điểm (Loại Kém)

Cách tính điểm KT trắc nghiệm khách quan: lấy điểm toàn bài là 10 chia đều cho số câu hỏi hoặc mỗi câu trả lời đúng tính 1 điểm, câu sai tính 0 điểm sau đó quy điểm về thang điểm 10 theo công thức  $(10/A/A_{max}) \cdot A$  là số điểm đạt và  $A_{max}$  là tổng số điểm của đề. Ví dụ: Để có 50 câu hỏi thì mỗi câu làm đúng được 0,2 điểm, nếu SV làm được 30 câu thì được 6 điểm; Cách 2: áp dụng  $10 A/A_{max}$ . Vậy  $10 \cdot 30/50 = 6$  điểm.

KT, ĐG KQHT của SV là xác định kiến thức, kĩ năng và thái độ hiện có của mỗi người học trong và khi kết thúc một giai đoạn học tập, qua đó GV biết được trình độ của người học để theo dõi ĐG sự tiến bộ của SV trong quá trình học tập và có cơ sở để nhận ra những điểm mạnh, điểm yếu của mình để hoàn thiện trong quá trình giảng dạy. KT, ĐG KQHT giúp SV tự nhận ra những yếu kém cũng như sự tiến bộ của mình, khuyến khích động viên nâng cao tinh

(Xem tiếp trang 19)

cơ học tập văn bằng 2; điều kiện để được học văn bằng 2; yêu cầu khi tham gia học tập; những khó khăn khi tham gia học văn bằng 2)...

3. Để hoạt động tư vấn của CVHT đạt hiệu quả, công tác CVHT và tư vấn cho SV phải đúng lúc, kịp thời phù hợp với đối tượng và nhóm đối tượng, đồng thời phải đa dạng và linh hoạt về thời gian, địa điểm, hình thức nhằm giúp giải quyết ngay những khó khăn trong học tập và đời sống. Đồng thời đội ngũ CVHT phải đáp ứng những yêu cầu về kiến thức chuyên môn, am hiểu những lĩnh vực liên quan đến học tập; chương trình đào tạo của khoa/bộ môn (cấu trúc chương trình, danh mục và nội dung các môn học, để cương chi tiết các môn học...), định hướng đầu ra, yêu cầu của nhà tuyển dụng; các hình thức về yêu cầu kiểm tra, đánh giá, làm tiểu luận, đề tài, khóa luận... các quy định, quy trình khác nhau liên quan đến học tập, thực tập thực tế... phương pháp nghiên cứu và học tập, phương pháp tự học, tự nghiên cứu... tài liệu, tài nguyên học tập, thư viện, tạp chí chuyên ngành, các khóa học ngoại khóa, ngoại ngữ, tin học, các khóa học KN mềm... Bên cạnh đó, CVHT cần có kiến thức hiểu biết về các lĩnh vực liên quan đến đời sống SV: các phòng ban, trung tâm (trong và ngoài trường) để giới thiệu SV đến liên hệ khi cần thiết), các chính sách, học bổng, chế độ, các trung tâm giới thiệu việc làm, hiệp hội nghề nghiệp góp phần giải quyết những khó khăn trong đời sống của SV. Đồng thời CVHT phải có KN giao tiếp tốt, khéo léo, nhanh nhẹn, hoạt bát, có khả năng phán đoán, phân tích, nắm bắt vấn đề nhanh, biết lắng nghe ý kiến SV... giúp SV phân nào những thắc mắc, mâu thuẫn trong cuộc sống. Ngoài ra, phẩm chất đạo đức tốt cũng là một yêu cầu quan trọng đối với đội ngũ CVHT: nhiệt tình, hết lòng với SV, quan tâm đến lợi ích của SV, có tinh thần trách nhiệm và kỉ luật cao, giữ đúng lịch hẹn với SV, biết giữ gìn những bí mật riêng tư của SV, luôn giữ tư cách của người giảng viên, cư xử đúng mực, phù hợp, làm gương cho SV, phải công bằng và khách quan. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Minh Đức (chủ trì). Báo cáo đề tài: "Xây dựng mô hình hoạt động của cố vấn học tập trong đào tạo tín chỉ ở trường đại học Việt Nam". Hà Nội, 2012.
2. Bộ GD-ĐT. Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT.
3. Nguyễn Văn Văn. Báo cáo một số nội dung về công tác cố vấn học tập trong đào tạo theo tín chỉ. Hội nghị bàn về mô hình hoạt động của cố vấn học tập. Trường Đại học Luật, 2010.

#### SUMMARY

*The article contents not only analysed the importance of educational consultancy activities carried out by educational consultants at Universities but also gave students the clear definition of the terms including "educational consultant" and "educational consultancy activity". Simultaneously, the article focused on some basic content which educational consultants should provide for students. To be specific, they guided their students how to build their own learning plans for the whole school year as well as register for the subjects. Along with this, they also showed students the way to form the suitable learning methods under credit-based system and gave them advice about scientific research activities and professional orientation.*

## Xây dựng công cụ kiểm tra, đánh giá...

(Tiếp theo trang 24)

thần tự giác trong quá trình học tập. Việc KT, ĐG giúp các nhà quản lí, các cơ sở đào tạo ĐG được chất lượng đào tạo, có thể theo dõi ĐG quá trình giảng dạy của GV và học tập của SV, căn cứ vào đó mà bổ sung, phát triển nội dung chương trình đào tạo đồng thời là điều kiện tốt trong việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Trần Khánh Đức. **Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2010.
2. Đặng Thành Hưng. **Dạy học hiện đại - Lí luận, biện pháp, kĩ thuật**. NXB Đại học quốc gia, H. 2002.
3. Đặng Vũ Hoạt - Hà Thị Đức. **Lí luận dạy học đại học**. NXB Đại học sư phạm, H. 2004.
4. Lecner I. Ia. **Dạy học nêu vấn đề**. NXB Giáo dục, H. 1977.

#### SUMMARY

*Test evaluation is an important part of the teaching process, have a great role in improving the quality and effectiveness of training. Renewal of test and evaluation is becoming an urgent demand in the current period, if the wrong test will lead to wrong judgment about the quality of training, examination and assessment for learners Correct drunk love of learning actively contribute to improving the overall quality of education to meet the high-quality human resources. So, along with innovative teaching methods as problem-solving approach, the paper introduced the process of developing a tool to test, evaluate appropriate teaching approach to resolve to contribute to improving effective teaching.*